

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2565 /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ Hội Liên hiệp
Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08/10/2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội;

Theo đề nghị của Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi tại Tờ trình số 03-TTr/UBH ngày 23 tháng 9 năm 2026 và đề xuất của Giám đốc Sở Nội vụ tại Công văn số 5238/SNV-TCBM ngày 12 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi đã được Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2026-2029 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 (có Điều lệ kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan và Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VP UBND tỉnh: PCVP;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NC_{HĐN}.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Y Ngọc



ĐIỀU LỆ
HỘI LIÊN HIỆP THANH NIÊN VIỆT NAM TỈNH QUẢNG NGÃI
(Kèm theo Quyết định số 2565 /QĐ-UBND ngày 22 /10/2026 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên gọi:
 - a) Tên tiếng Việt: Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi;
 - b) Tên viết tắt tiếng Việt: Hội LHTN Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi;
 - c) Tên tiếng Anh: Quảng Ngãi Provincial Viet Nam Youth Federation.
2. Hội LHTN Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi sử dụng biểu tượng Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam do Ủy ban Trung ương Hội LHTN Việt Nam quản lý, theo quy định của Điều lệ Hội LHTN Việt Nam và hướng dẫn của Trung ương Hội.
3. Bài ca chính thức của Hội là bài hát “Lên Đàng”, nhạc Lưu Hữu Phước, lời Huỳnh Văn Tiêng.
4. Ngày truyền thống của Hội là ngày 15 tháng 10.
5. Hội có đồng phục và nghi thức do Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Hội LHTN Việt Nam hướng dẫn.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích của Hội

Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội rộng rãi của thanh niên tỉnh Quảng Ngãi, nhằm mục đích đoàn kết, tập hợp các tầng lớp thanh niên, phát huy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, khát vọng cống hiến; động viên hội viên, thanh niên phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tỉnh Quảng Ngãi phát triển nhanh, bền vững, giàu bản sắc.

Điều 3. Tư cách pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam, Điều lệ Hội LHTN Việt Nam và Điều lệ này.
2. Trụ sở của Hội đặt tại trụ sở cơ quan Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ngãi, số 159 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi. Cơ quan thường trực tham mưu, giúp việc của Hội thực hiện theo quyết định của cấp có thẩm quyền và quy chế hoạt động của Ủy ban Hội.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi tỉnh Quảng Ngãi trong lĩnh vực thanh niên theo quy định của pháp luật.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi; sự quản lý, hướng dẫn của Sở Nội vụ và các cơ quan nhà nước có liên quan về lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật.

3. Hội là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi; hoạt động theo Điều lệ Hội LHTN Việt Nam và Điều lệ Hội, chịu sự hướng dẫn của Trung ương Hội LHTN Việt Nam. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh Quảng Ngãi giữ vai trò nòng cốt chính trị trong xây dựng tổ chức và hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Đoàn kết, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ Hội Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Điều lệ này.

Chương II QUYỀN, NGHĨA VỤ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI

Điều 6. Quyền hạn

1. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội; được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

3. Đại diện, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Hội, hội viên, thanh niên trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Hội và theo quy định của pháp luật.

4. Đoàn kết, tập hợp, giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống văn hóa cho các tầng lớp thanh niên; tạo môi trường để hội viên, thanh niên rèn luyện, cống hiến, trưởng thành, trở thành công dân tốt, đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

5. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên, tổ chức thành viên, tổ chức thuộc Hội vì lợi ích chung của Hội.

6. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho hội viên, thanh niên; cung cấp thông tin cần thiết cho hội viên theo quy định của pháp luật.

7. Tham gia, phối hợp thực hiện các chương trình, dự án, đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, chuyển đổi số, tư vấn, phản biện chính sách, cung cấp dịch vụ công, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, dạy nghề, truyền nghề khi được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

8. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của Hội; kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến thanh niên, công tác Hội và phong trào thanh niên.

9. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

10. Được tiếp nhận, quản lý và sử dụng các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của Hội.

11. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động, nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội LHTN Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật.

12. Khen thưởng, kỷ luật theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội LHTN Việt Nam và Điều lệ này.

13. Tiếp nhận, tổng hợp, kiến nghị giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo liên quan đến tổ chức Hội, hội viên, thanh niên theo thẩm quyền và theo quy định của pháp luật.

14. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nghĩa vụ, trách nhiệm của Hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội; chấp hành Điều lệ Hội LHTN Việt Nam và Điều lệ này.

2. Không lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; không lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; không thực hiện hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Hoạt động trong lĩnh vực thanh niên và chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực có liên quan trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật.

5. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên, tổ chức thành viên, tổ chức thuộc Hội vì lợi ích chung của Hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

6. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền Điều lệ, quy chế, quy định của Hội; bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho hội viên, thanh niên.

7. Khuyến khích và tổ chức cho hội viên, thanh niên tham gia tích cực vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng tỉnh Quảng Ngãi phát triển; tham gia các hoạt động ích nước, lợi nhà, hướng thiện theo quy định của pháp luật.

8. Tổ chức các hoạt động góp phần đáp ứng nhu cầu chính đáng, hợp pháp của hội viên, thanh niên theo quy định của pháp luật.

9. Đề xuất, kiến nghị với cơ quan nhà nước, tổ chức xã hội cùng chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, thanh niên.

10. Đoàn kết, hợp tác với các tổ chức thanh niên trong và ngoài tỉnh, trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật, vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội và cuộc sống văn minh, hạnh phúc của thanh niên.

11. Thường xuyên chăm lo xây dựng Hội, mở rộng mặt trận đoàn kết, tập hợp thanh niên; tích cực tham gia xây dựng Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

12. Đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của Hội; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội LHTN Việt Nam và Điều lệ này.

13. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ, tài trợ và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

14. Báo cáo hồ sơ tổ chức Đại hội, báo cáo kết quả Đại hội và các nội dung khác theo quy định của pháp luật về hội, hướng dẫn của Trung ương Hội LHTN Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

15. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Ủy ban Hội, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra, thay đổi trụ sở, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Hội báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

16. Báo cáo việc thành lập các tổ chức thuộc Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý tổ chức, hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

17. Hằng năm, báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi và cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

18. Báo cáo kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến Hội với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

19. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và Điều lệ Hội.

20. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội danh sách hội viên, tổ chức thuộc Hội, sổ sách, chứng từ về tài sản, tài chính của Hội, biên bản các cuộc họp Ủy ban Hội, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra Hội.

21. Kinh phí thu được phải dành cho hoạt động Hội theo quy định của Điều lệ Hội, không được chia cho hội viên.

22. Ban hành các quy chế hoạt động của Ủy ban Hội, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra; quy chế quản lý, sử dụng tài sản, tài chính; khen thưởng, kỷ luật; quản lý hội viên; giải quyết kiến nghị, phản ánh, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo; quản lý và sử dụng con dấu của Hội và các quy định khác phù hợp với pháp luật và Điều lệ Hội.

23. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự.

a) Hội viên chính thức là công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều này, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội và được tổ chức Hội có thẩm quyền công nhận.

b) Hội viên danh dự là công dân, tổ chức Việt Nam có nhiều thành tích, công lao đóng góp cho Hội nhưng không có điều kiện gia nhập Hội hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội và được tổ chức Hội có thẩm quyền công nhận.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên tổ chức: tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, có phạm vi hoạt động trên địa bàn tỉnh và hoạt động trong lĩnh vực thanh niên hoặc có liên quan đến lĩnh vực thanh niên; tổ chức thanh niên Việt Nam được thành lập theo quy định pháp luật, đang học tập, lao động, công tác trên địa bàn tỉnh, tuân thủ pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đại diện của hội viên tổ chức phải là công dân Việt Nam.

b) Hội viên cá nhân: công dân Việt Nam đang cư trú, học tập, lao động hoặc công tác trên địa bàn tỉnh, từ 16 tuổi đến 30 tuổi, có nguyện vọng tham gia Hội; công dân Việt Nam đang cư trú, học tập, lao động hoặc công tác trên địa bàn tỉnh, trên 30 tuổi có nguyện vọng, có ảnh hưởng tích cực đến hoạt động Hội.

c) Người đang trong thời gian bị hạn chế quyền công dân theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc không đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật thì chưa xem xét công nhận là hội viên trong thời gian chưa đủ điều kiện. Trường hợp thanh niên hoàn lương, thanh niên tiến bộ, thanh niên yếu thế có nguyện vọng tham gia Hội được tổ chức Hội xem xét, hướng dẫn, tạo điều kiện theo quy định của Điều lệ Hội và pháp luật.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Các quyền chung:

a) Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng theo quy định của pháp luật.

b) Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội; được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

c) Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.

d) Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, tham gia hiệp thương bầu các cơ quan, chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Điều lệ Hội.

đ) Được giới thiệu hội viên mới.

e) Được khen thưởng theo quy định của Hội.

g) Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

h) Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

i) Hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, tham gia hiệp thương bầu Ủy ban Hội, Ban Kiểm tra Hội.

2. Quyền của hội viên tổ chức:

Ngoài những quyền quy định tại khoản 1 Điều này, hội viên tổ chức còn được thảo luận, đề nghị các vấn đề về hoạt động của Ủy ban Hội; giới thiệu đại diện của mình vào Ủy ban Hội; yêu cầu Hội tổ chức phối hợp hoạt động với thành viên khác theo sáng kiến của mình vì mục tiêu chung.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Các nghĩa vụ chung:

a) Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

b) Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

c) Bảo vệ uy tín của Hội; không nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được tổ chức Hội có thẩm quyền phân công bằng văn bản.

d) Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

đ) Đóng hội phí đầy đủ, đúng hạn theo quy định của Hội.

e) Bàn giao công việc, tài sản, tài chính có liên quan (nếu có) khi không còn hoạt động ở Hội.

2. Hội viên tổ chức, ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, còn có nghĩa vụ thực hiện Điều lệ Hội và các quyết định, chương trình hoạt động đã thống nhất; tổ chức, đôn đốc hội viên của tổ chức mình tham gia hoạt động của Hội; đóng góp tài chính, ủng hộ về vật chất, tinh thần cho Hội; hiệp thương thống nhất về định hướng, nội dung hoạt động và công tác nhân sự.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Việc công nhận hội viên cá nhân được thực hiện thông qua tổ chức cơ sở Hội, chi hội, câu lạc bộ, đội, nhóm hoặc hình thức tập hợp thanh niên phù hợp; bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, đúng tiêu chuẩn hội viên và được quản lý theo quy định của Hội.

2. Hội viên tổ chức, tổ chức thành viên thuộc phạm vi cấp tỉnh do Ban Thư ký Hội xem xét, trình Ủy ban Hội công nhận theo quy định của Điều lệ Hội, quy chế quản lý hội viên, tổ chức thành viên và pháp luật có liên quan.

3. Hội viên danh dự do Ban Thư ký Hội xem xét, trình Ủy ban Hội công nhận trên cơ sở thành tích, uy tín, đóng góp đối với Hội và sự tự nguyện của cá nhân, tổ chức.

4. Hội viên thấy không thể tiếp tục là hội viên của Hội thì làm đơn gửi tổ chức Hội nơi quản lý hội viên hoặc Ban Thư ký Hội. Tổ chức Hội có thẩm quyền xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên và thông báo theo quy định.

5. Hội viên bị khai trừ ra khỏi Hội khi vi phạm pháp luật, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ, quy định của Hội, làm tổn hại đến quyền lợi, uy tín và sự đoàn kết của Hội; việc xem xét, quyết định khai trừ thực hiện theo quy chế của Ủy ban Hội.

6. Hội viên đương nhiên không còn là hội viên trong các trường hợp: đổi với hội viên tổ chức, bị tuyên bố giải thể hoặc phá sản theo quy định của pháp luật; đối với hội viên cá nhân, mất năng lực hành vi dân sự, bị tuyên bố mất tích hoặc chết.

7. Ủy ban Hội ban hành Quy chế quy định cụ thể về phát triển, công nhận, quản lý hội viên, hội viên danh dự, hội viên tổ chức, tổ chức thành viên và việc hội viên ra khỏi Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

Cơ cấu tổ chức của Hội gồm:

1. Đại hội;
2. Ủy ban Hội;
3. Ban Thư ký;
4. Ban Kiểm tra;
5. Văn phòng Hội;

6. Tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường.

Nhiệm kỳ Đại hội đại biểu Hội LHTN Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I là 2026 - 2029 theo hướng dẫn của Ủy ban Trung ương Hội LHTN Việt Nam. Các nhiệm kỳ tiếp theo thực hiện theo Điều lệ Hội LHTN Việt Nam và hướng dẫn của Trung ương Hội LHTN Việt Nam nhưng không quá 05 năm kể từ ngày kết thúc Đại hội nhiệm kỳ trước.

Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Ủy ban Hội hoặc có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức được triệu tập có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự Đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự Đại hội;

b) Thông qua chương trình Đại hội, nội quy, quy chế làm việc, quy chế hiệp thương của Đại hội;

c) Thảo luận, thông qua báo cáo kết quả công tác Hội và phong trào thanh niên; phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nhiệm kỳ tiếp theo; báo cáo kiểm điểm của Ủy ban Hội; báo cáo của Ban Kiểm tra; báo cáo tài chính của Hội (nếu có);

d) Thảo luận, thông qua Điều lệ Hội hoặc việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội theo quy định;

đ) Thảo luận, quyết định đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có) theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Trung ương Hội;

e) Thông qua đề án nhân sự Đại hội; biểu quyết số lượng thành viên Ủy ban Hội, Ban Kiểm tra cho cả nhiệm kỳ; thực hiện quyền ứng cử, đề cử vào danh sách Ủy ban Hội, Ban Kiểm tra Hội;

g) Hiệp thương bầu Ủy ban Hội, Ban Kiểm tra Hội;

h) Thảo luận, quyết định các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ Hội (nếu có);

i) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay, thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Các quyết định của Đại hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số đại biểu chính thức được triệu tập tán thành, trừ trường hợp Điều lệ này quy định tỷ lệ khác.

Điều 14. Ủy ban Hội

1. Ủy ban Hội là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ Đại hội, do Đại hội hiệp thương bầu trong số hội viên chính thức của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, sức khỏe, độ tuổi của thành viên Ủy ban Hội do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ủy ban Hội trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Khi thành viên Ủy ban Hội là đại diện của hội viên tổ chức, tổ chức thành viên không còn giữ nhiệm vụ trong tổ chức của mình thì đương nhiên thôi tư cách ủy viên. Tổ chức đó giới thiệu nhân sự mới thay thế và đề nghị Ủy ban Hội xem xét, công nhận theo quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Hội:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội; ban hành các quy chế hoạt động của Ủy ban Hội, Ban Thư ký, Ban Kiểm tra và các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với pháp luật, Điều lệ Hội LHTN Việt Nam và Điều lệ này;

đ) Hiệp thương bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, tạm đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thư ký, ủy viên Ủy ban Hội, Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban, ủy viên Ban Kiểm tra; hiệp thương bổ sung thành viên Ủy ban Hội, Ban Kiểm tra theo quy định; số thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra bầu bổ sung không được quá 1/3 (một phần ba) số lượng thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra đã được Đại hội quyết định. Tổng số thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra (kể cả thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra được bổ sung) không vượt quá số lượng thành viên Ủy ban, Ban Kiểm tra đã được Đại hội biểu quyết thông qua;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ủy ban Hội:

a) Ủy ban Hội hoạt động theo Quy chế của Ủy ban Hội, tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Điều lệ này;

b) Ủy ban Hội mỗi năm họp ít nhất 01 lần; có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thư ký hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ủy ban Hội đề nghị. Ủy ban Hội có thể họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp hai hình thức;

c) Cuộc họp của Ủy ban Hội hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ủy ban Hội tham dự. Ủy ban Hội biểu quyết bằng hình thức do Ủy ban Hội quyết định;

d) Nghị quyết, quyết định của Ủy ban Hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ủy ban Hội biểu quyết tán thành. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ủy ban Hội có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền bằng việc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức điện tử.

5. Thành viên Ủy ban Hội xin thôi tham gia Ủy ban Hội phải có đơn và được Ủy ban Hội xem xét, quyết định. Trước khi thôi tham gia, thành viên Ủy ban Hội phải bàn giao công việc, tài sản, tài chính mà mình phụ trách (nếu có) cho tổ chức, cá nhân được Ủy ban Hội ủy quyền.

Điều 15. Ban Thư ký

1. Ban Thư ký là cơ quan điều hành công việc của Ủy ban Hội giữa hai kỳ họp, do Ủy ban Hội hiệp thương bầu trong số các thành viên Ủy ban Hội tại Hội nghị Ủy ban Hội lần thứ nhất hoặc hội nghị Ủy ban Hội theo quy định.

Ban Thư ký có Thường trực Hội gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Ban Thư ký công tác tại cơ quan thường trực của Hội để thay mặt Ban Thư ký điều hành công việc hằng ngày của Hội.

2. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn Ban Thư ký do Ủy ban Hội quyết định nhưng không quá 1/3 (một phần ba) số lượng thành viên Ủy ban Hội đã được Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thư ký trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thư ký:

a) Giúp Ủy ban Hội triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ủy ban Hội;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ủy ban Hội;

c) Quyết định thành lập các tổ chức thuộc Hội theo nghị quyết của Ủy ban Hội; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức thuộc Hội theo quy định;

d) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thư ký:

a) Ban Thư ký hoạt động theo Quy chế do Ủy ban Hội ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thư ký họp định kỳ mỗi tháng 01 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thư ký. Ban Thư ký có thể họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp hai hình thức;

c) Cuộc họp của Ban Thư ký hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thư ký tham dự. Ban Thư ký biểu quyết bằng hình thức do Ban Thư ký quyết định;

d) Nghị quyết, quyết định của Ban Thư ký được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Thư ký biểu quyết tán thành. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội;

đ) Giữa hai kỳ họp, Ban Thư ký có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức điện tử.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội hiệp thương bầu trong số Ủy viên Ủy ban Hội. Ban Kiểm tra gồm Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban và một số ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định; đối với cấp tỉnh, số lượng Ban Kiểm tra không quá 05 người theo hướng dẫn của Trung ương Hội. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ủy ban Hội, Ban Thư ký và các quy chế của Hội trong hoạt động của tổ chức Hội, tổ chức thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư, phản ánh, kiến nghị, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân liên quan đến tổ chức Hội, hội viên, tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quy chế của Hội;

c) Thông báo kết quả kiểm tra đến Ban Thư ký, Ủy ban Hội; tổng hợp, báo cáo Đại hội kết quả kiểm tra của Hội trong nhiệm kỳ.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra:

a) Ban Kiểm tra hoạt động độc lập, làm việc theo chế độ tập thể;

b) Chịu trách nhiệm trước Hội về công tác kiểm tra của Hội;

c) Hoạt động theo Quy chế do Ủy ban Hội ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

d) Ban Kiểm tra mỗi năm họp 02 lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Trưởng Ban Kiểm tra hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm tra. Ban Kiểm tra có thể họp trực tiếp, trực tuyến hoặc kết hợp hai hình thức;

đ) Quyết định của Ban Kiểm tra được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Ban Kiểm tra biểu quyết tán thành.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch

1. Chủ tịch Hội là đại diện của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ủy ban Hội hiệp thương

bầu trong số các thành viên Ban Thư ký tại Hội nghị Ủy ban Hội lần thứ nhất hoặc hội nghị Ủy ban Hội theo quy định. Nhân sự Chủ tịch Hội thực hiện theo Điều lệ Hội, hướng dẫn của Trung ương Hội và quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Hội:

a) Tiêu chuẩn: chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có uy tín và hiểu biết về lĩnh vực Hội hoạt động; có quốc tịch Việt Nam; có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không có án tích; có năng lực, kinh nghiệm trong công tác Hội và phong trào thanh niên; tiêu biểu, có uy tín đại diện cho các tầng lớp thanh niên; có khả năng và điều kiện tham gia giải quyết công việc theo yêu cầu của Ủy ban Hội; gương mẫu, nêu gương trong công tác và sinh hoạt; có tư duy đổi mới, tinh thần hành động; là trung tâm đoàn kết, quy tụ thành viên Ủy ban Hội và thanh niên.

b) Điều kiện: không giữ chức danh chủ tịch quá 02 hội; không phải là cán bộ, công chức trong cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý hoặc tham mưu quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trừ trường hợp được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản; nhân sự dự kiến Chủ tịch Hội là cán bộ, công chức, viên chức hoặc cán bộ, công chức, viên chức đã nghỉ hưu phải được cấp có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản theo quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ủy ban Hội, Ban Thư ký Hội;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ủy ban Hội, Ban Thư ký Hội về mọi hoạt động của Hội; chỉ đạo, điều hành hoạt động của Hội theo Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ủy ban Hội, Ban Thư ký Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ủy ban Hội; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thư ký Hội;

d) Thay mặt Ủy ban Hội, Ban Thư ký Hội ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội;

e) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Điều lệ Hội.

4. Số lượng các Phó Chủ tịch không quá 1/2 (một phần hai) số lượng Ban Thư ký, trong đó không quá 02 Phó Chủ tịch chuyên trách là cán bộ Tỉnh đoàn. Số lượng Phó Chủ tịch không chuyên trách do Hội tự quyết định nhưng không quá 06 Phó Chủ tịch.

5. Phó Chủ tịch Hội do Ủy ban Hội hiệp thương bầu trong số các thành viên Ban Thư ký Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ủy ban Hội quy định phù hợp với Điều lệ Hội và hướng dẫn của Trung ương Hội.

Phó Chủ tịch Hội giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được phân công hoặc ủy quyền; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ủy ban Hội, Ban Thư ký Hội.

6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội thực hiện theo Điều lệ Hội, quy chế của Ủy ban Hội và quy định của pháp luật.

7. Đình chỉ công tác và cho phép công tác trở lại đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch thực hiện theo Điều lệ Hội, quy chế của Ủy ban Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Văn phòng Hội

1. Văn phòng Hội hoặc cơ quan thường trực tham mưu, giúp việc của Hội là bộ phận tham mưu, giúp Ủy ban Hội, Ban Thư ký, Chủ tịch, Phó Chủ tịch triển khai hoạt động của Hội.

2. Ủy ban Hội quy định cụ thể nhiệm vụ, nhân sự, quy chế hoạt động của Văn phòng, tổ chức thuộc Hội theo Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 19. Tổ chức thuộc Hội

1. Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam cấp xã trực thuộc Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, hướng dẫn của Trung ương Hội, Ủy ban Hội tỉnh và quy định của pháp luật.

2. Chi hội, câu lạc bộ, tổ, đội, nhóm và các hình thức tập hợp thanh niên được thành lập theo địa bàn dân cư, trường học, cơ quan, doanh nghiệp, nghề nghiệp, sở thích và nhu cầu chính đáng của thanh niên; hoạt động theo quy chế, hướng dẫn của tổ chức Hội có thẩm quyền.

3. Tổ chức cơ sở, chi hội, câu lạc bộ, đội, nhóm có trách nhiệm quản lý hội viên; tổ chức thực hiện nghị quyết, chương trình công tác của Hội; tập hợp, phản ánh nguyện vọng, kiến nghị của hội viên, thanh niên với tổ chức Hội; thực hiện quy chế về tổ chức và hoạt động của Hội.

4. Việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Người đứng đầu tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội, Ban Thư ký, Ủy ban Hội và trước pháp luật về hoạt động của tổ chức.

Điều 20. Quan hệ giữa Ủy ban Hội và tổ chức thành viên, hội viên tổ chức

Quan hệ giữa Ủy ban Hội với tổ chức thành viên, hội viên tổ chức thực hiện theo nguyên tắc: Ủy ban Hội thống nhất chủ trương, chương trình hành động và hướng dẫn thực hiện; tổ chức thành viên, hội viên tổ chức xây dựng

chương trình hoạt động phù hợp với chủ trương chung, phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Hội và báo cáo thường xuyên với Ủy ban Hội.

Chương V

ĐỔI TÊN, CHIA, TÁCH, SÁP NHẬP, HỢP NHẤT VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 21. Đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội

Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, pháp luật về hội, nghị quyết của Đại hội hoặc Ủy ban Hội theo thẩm quyền, hướng dẫn của Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 22. Thu hồi con dấu của Hội

Việc thu hồi con dấu đối với Hội đổi tên, Hội bị chia, sáp nhập, hợp nhất, bị đình chỉ hoạt động có thời hạn, giải thể được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng con dấu và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 23. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội gồm: hội phí của hội viên; thu từ các hoạt động của Hội và các tổ chức thuộc Hội theo quy định của pháp luật; tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật; ngân sách nhà nước hỗ trợ đối với nhiệm vụ Đảng, Nhà nước giao (nếu có); các khoản thu hợp pháp khác.

b) Hội được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, Tỉnh đoàn và cơ quan có thẩm quyền giao theo quy định của pháp luật (nếu có).

c) Các khoản chi của Hội gồm: chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội; chi thực hiện nhiệm vụ được giao; chi mua sắm, sửa chữa tài sản, phương tiện làm việc; chi thực hiện chế độ, chính sách đối với người làm việc tại Hội theo quy định của Ủy ban Hội phù hợp với quy định của pháp luật; chi khen thưởng và các khoản chi hợp pháp khác.

2. Tài sản của Hội:

a) Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội và các tài sản hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

b) Việc quản lý, sử dụng tài sản của Hội thực hiện theo quy định pháp luật dân sự, pháp luật về tài sản, tài chính, kế toán và Điều lệ Hội. Đối với tài sản công, thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, tài sản của Hội được kiểm kê, phân loại và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Ủy ban Hội thống nhất quản lý tài chính, tài sản của Hội. Ban Thư ký, Chủ tịch Hội và bộ phận được phân công tổ chức quản lý, sử dụng tài chính, tài sản theo Quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội, bảo đảm công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả và tuân thủ pháp luật.

2. Ủy ban Hội ban hành quy định về quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 25. Giải quyết tài sản, tài chính khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể Hội

1. Việc giải quyết tài sản, tài chính khi Hội chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ hoạt động có thời hạn và giải thể thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội và quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

2. Tài sản, tài chính của Hội không được phân chia cho hội viên; việc chuyển giao, quản lý, sử dụng, thanh lý tài sản, tài chính được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy định của pháp luật.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc Hội, tổ chức thành viên, hội viên có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 27. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc Hội, tổ chức thành viên, hội viên vi phạm pháp luật, Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật theo quy định.

2. Hình thức kỷ luật gồm: khiển trách, cảnh cáo, thôi giữ chức danh trong Ủy ban Hội, thôi công nhận là hội viên, thôi công nhận là hội viên tổ chức hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật và quy chế của Hội. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban Hội quy định cụ thể thẩm quyền, trình tự, thủ tục xem xét ký luật trong Hội theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Điều lệ này.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội được Đại hội thông qua khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức được triệu tập tham dự Đại hội biểu quyết tán thành.

2. Điều lệ sửa đổi, bổ sung phải bảo đảm phù hợp với Điều lệ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, quy định của pháp luật và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này gồm 08 (tám) Chương và 29 (hai mươi chín) Điều, đã được Đại hội đại biểu Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2026-2029 thông qua ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại tỉnh Quảng Ngãi và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi, hội viên tổ chức, tổ chức thành viên, tổ chức thuộc Hội và toàn thể hội viên có trách nhiệm chấp hành Điều lệ này.

3. Căn cứ quy định pháp luật về hội, Điều lệ Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam và Điều lệ này, Ủy ban Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.